

19. KINH ĐẠI HỘI¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật tại nước Thích-kiều-sấu², trong rừng Ca-duy³, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người, thấy đều là A-la-hán. Lại có mười phương các Trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên⁴ đang ở trên cõi trời ấy, mỗi người, tự nghĩ rằng: “Nay Thế Tôn đang ở tại Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy cùng chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người, thấy đều đã chứng đắc A-la-hán. Lại có mười phương các trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Nay chúng ta cũng nên đi đến chỗ Thế Tôn, mỗi người sẽ xưng tán Như Lai bằng bài kệ của mình.”

Rồi thì, bốn vị Tịnh cư thiên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi các cõi trời kia, đến Thích-kiều-sấu trong rừng Ca-duy. Bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên, sau khi đến nơi, cúi đầu lễ chân

-
- ¹ Hán, quyển 12. Tương đương Pāli: D.20, Deva Dig ii. 7, Mahāsamaya-suttanta; S. 1, 4, 7 Samay. Tham chiếu No.19 *Phật Thuyết Tam-ma-nhạ kinh*, Tổng Pháp Thiên dịch (Đại I, tr.258); No.99 (1192) *Tạp A-hàm*, q.44 (Đại II, tr.323); No.100 (105); Biệt Dịch *Tạp A-hàm* Q.5 (Đại II, tr.411).
 - ² Thích-kiều-sấu quốc 釋翹度 (hay 翹搜?) 國; Pāli: Sakkeṇu, giữa những người Thích-ca. Hán dịch có thể nhầm, không coi Sakkesu là biến cách của Sakka (Skt.: Sakya).
 - ³ Ca-duy lâm 迦維林; Pāli: Kapilavatthu, tức Ca-tỳ-la-vệ, tên thành, cũng là tên nước; No.99 (1192): Phật tại Ca-tỳ-la-vệ, Ca-tỳ-la-vệ lâm trung 佛在迦毗羅衛迦毗羅衛林中; No.100 (105): Phật tại Thích-kiều, Ca-tỳ-la-vệ lâm trung 佛在釋翹迦毗羅衛林中.
 - ⁴ Tứ Tịnh cư thiên 四淨居天; Pāli: catunnaṃ Suddhāvāsakāyikānaṃ devānaṃ, bốn Thiên chúng thuộc Tịnh cư thiên. Có năm tầng Tịnh cư thiên thuộc Tứ thiên, trú xứ của Thánh giả A-na-hàm trước khi nhập Niết-bàn.

Phật, rồi đứng sang một bên. Lúc ấy một vị Tịnh cư thiên ở trước Phật đọc bài kệ tán thán rằng:

*Ngày nay đại chúng hội;
Chư Thiên cùng đến dự.
Tất cả đến vì pháp;
Muốn lễ chúng Vô thượng.*

Nói xong bài kệ này rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ rằng:

*Tỳ-kheo thấy ô nhiễm,
Tâm ngay, tự phòng hộ.
Như biển nạp các sông;
Bậc trí hộ các căn.*

Nói xong bài kệ ấy rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ:

*Bứt gai, lấp hố ái,⁵
San bằng hào vô minh;
Đạo bước trường thanh tịnh
Như voi khéo huấn luyện.*

Nói bài kệ này xong, đứng sang một bên. Một Tịnh cư thiên khác đọc bài kệ:

*Những ai quy y Phật,
Trọn không đọa đường dữ;
Khi xả bỏ thân người,
Thọ thân trời thanh tịnh.*

Sau khi bốn Tịnh cư thiên đọc các bài kệ xong, Phật liền ấn khả. Họ bèn lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, thoát biến mất. Họ đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diêu thiên đều đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Nay các Tỳ-kheo, quá khứ các Như Lai, Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư Thiên đại tập hội như Ta ngày nay. Đương lai các Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng có chư Thiên đại tập hội, như Ta ngày nay.

⁵ Hán: đoạn thích, bình ái khanh 斷刺平愛坑; Pāli: chetvā khilam chetvā paligham, bẻ cùm, bẻ khóa.

“Này các Tỳ-kheo, nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diệu thiên không ai không đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Ta sẽ nói lên danh hiệu của họ và cũng nói kệ về họ. Tỳ-kheo, nên biết:

*Chư Thiên nương hang núi,
Ẩn tàng, trông đáng sợ⁶
Mình khoác áo toàn trắng,
Tinh sạch không vết dơ.
Trời người nghe thế rồi,
Đều quy y Phạm thiên.
Ta nay nói tên họ,
Thứ tự không nhầm lẫn.
Các Thiên chúng nay đến;
Tỳ-kheo, người nên biết,
Trí phàm phu thế gian
Trong trăm, không thấy một.
Vì sao có thể thấy,
Bảy vạn chúng quỷ thần?
Nếu thấy mười vạn quỷ,
Một bên còn không thấy,
Hà hướng các quỷ thần
Đây khắp cả thiên hạ.*

Địa thần dẫn theo bảy ngàn Duyệt-xoa⁷ đủ các loại, thấy đều có thần túc⁸, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lúc ấy, có thần Tuyết sơn dẫn theo sáu ngàn quỷ Duyệt-xoa⁹ đủ các loại, thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thấy

⁶ Tham chiếu Pāli: ye sitā giri-gabbharam pahitattā samāhitā Puthū sīhā v’asallīnā lomahaṃsabbhisambhuno, họ nương nơi các hang động, tinh cần, an tĩnh, như từng con sư tử đang co mình lại, lông tóc dựng đứng.

⁷ Hán: Địa thần hữu... Duyệt-xoa 地神有悅叉; Pāli: yakkhā bhummā Kāpilavatthavā, các Dạ-xoa sống trên mặt đất, ở Ca-tỳ-la-vệ. Hán; Duyệt-xoa 悅叉, thường nói là Dạ-xoa 夜叉 (Pāli: Yakkha, Skt.: Yakṣa).

⁸ Hữu thần túc 有神足; Pāli: iddhimanto, có thần thông.

⁹ Pāli: Hemavatā yakkhā, các Dạ-xoa sống ở Tuyết sơn.

đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Có một thần Xá-la dẫn theo ba ngàn quỷ Duyệt-xoa¹⁰ đủ các loại, thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Một vạn sáu ngàn quỷ thần Duyệt-xoa đủ các loại này thấy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thấy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lại có thần Tỳ-ba-mật¹¹, trú ở Mã quốc¹², dẫn năm trăm quỷ, đều có thần túc, oai đức.

Lại có thần Kim-tỳ-la¹³, trú ở núi Tỳ-phú-la¹⁴, thành Vương xá, dẫn vô số quỷ thần, cung kính vây quanh.

Lại có, phương Đông, Đề-đầu-lại-tra Thiên vương¹⁵, thống lãnh các thần Càn-đạp-hòa¹⁶, có đại oai đức, có chín mươi một người con, tất cả đều có tên là Nhân-đà-la¹⁷, có đại thần lực.

Phương Nam, Tỳ-lâu-lặc¹⁸ Thiên vương thống lãnh các Long vương, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thấy đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Tây, Tỳ-lâu-bác-xoa¹⁹ Thiên vương, thống lãnh các quỷ

¹⁰. Pāli: Sātāgīrā yakkhā, các Dạ-xoa ở núi Sātāgiri. Xá-la thần 舍羅神, có lẽ chỉ thần núi Sātāgiri.

¹¹. Tỳ-ba-mật 毗波密; Pāli: Vessāmitta (bạn của Vessa, giai cấp Phệ xá).

¹². Mã quốc 馬國 (Pāli: Assaka), cũng âm là A-thấp-bà 阿濕婆, A-nhiếp-bối 阿攝貝; một trong mười sáu nước lớn thời Phật, phía Tây bắc A-bàn-đề (Avanti). Bản Pāli không đề cập tên nước này.

¹³. Kim-tỳ-la 金毗羅, hay Cung-tỳ-la 宮毗羅; Pāli: Kumbhila, thần cá sấu.

¹⁴. Tỳ-phú-la 毗富羅; Pāli: Vepulla.

¹⁵. Đề-đầu-lại-tra 提頭賴吒, dịch là Trì Quốc 持國 (Thiên vương), 1 trong 4 Thiên vương hộ thế, thủ lãnh các thần Càn-thát-bà 乾闥婆; Pāli: Dhataratta.

¹⁶. Càn-đạp-hòa 乾沓和, thường gọi Càn-thát-bà, dịch Hương thần, thần âm nhạc; Pāli: Gandhabba.

¹⁷. Nhân-đà-la 因陀羅; Pāli: Inda; Skt.: Indra.

¹⁸. Tỳ-lâu-lặc 毗樓勒, hay Tăng Trưởng Thiên vương 增長天王; Pāli: Virūḷha. Trong bản Hán, thần thống lãnh chúng Long vương. Trong bản Pāli, thống lãnh chúng Cửu-bàn-trà (Kumbhanda).

¹⁹. Tỳ-lâu-bác-xoa 毗樓博叉, hay Quảng Mục Thiên vương 廣目天王; Pāli: Virūpakkha. Trong bản Hán, thống lãnh chúng Cửu-bàn-trà quỷ (Kumbanda), trong bản Pāli, chúng Long vương.

Cưu-bàn-trà, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thủy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Bắc, Tỳ-sa-môn²⁰ Thiên vương thống lãnh các quỷ Duyệt-xoa, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thủy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Bốn vị Thiên vương hộ trì thế gian này có đại oai đức, mình phát ánh sáng, đi đến rừng Ca-duy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn hàng phục tâm huyễn ngục hư dối của họ²¹ nên kết chú rằng:

“Ma câu lâu la ma câu lâu la²², tỳ lâu la tỳ lâu la²³, chiêm đà na, gia ma thế trí, ca, ni diên đậu, ni diên đậu, ba na lỗ²⁴, ô hô nô²⁵ nô chủ, đề bà tô mộ, Ma-đầu la, chi đa la tư na, càn đạ ba, na la chủ, xà ni sa, thi ha, vô liên đà la, tỳ ba mật đa la, thọ trần đà la, na lư ni²⁶ kha, thăng²⁷ phù lâu, thâu chi bà tích²⁸ bà.”²⁹

Như vậy, các vua Càn-đạ-hòa và La-sát đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, với tâm hoan hỷ đi đến chúng Tỳ-kheo trong khu rừng. Bấy giờ, Thế Tôn lại kết chú:

“A hê, na đà sắt, na đầu, tỳ-xá-ly, sa³⁰ ha, đái xoa xà, bà đề, đề

²⁰. Tỳ-sa-môn 毗沙門, tức Đa Văn Thiên vương 多聞天王; Pāli: Vessavaṇa; cũng có tên là Câu-tỳ-la (Pāli: Kuvera), lãnh chúng Dạ-xoa.

²¹. Pāli: tesam māyāvino dāsā vañcanikā saṭhā, những bộ hạ này vốn huyễn ngục, hư vọng, ác tâm, lừa dối.

²². Tống-Nguyên-Minh: ma ma câu câu lâu lâu la la.

²³. Tống-Nguyên-Minh: tỳ tỳ lâu lâu la la.

²⁴. Na lỗ, Tống-Nguyên-Minh: đà na da lô.

²⁵. Nô 奴, Nguyên-Minh: xoa 叉.

²⁶. Ni 尼, Tống-Nguyên-Minh: thi 尸.

²⁷. Tống-Nguyên-Minh: thăng; Cao ly: đầu.

²⁸. Tích 迹; Tống-Nguyên-Minh: giá 這.

²⁹. Tham chiếu Pāli: Māyā Kuṭṭhū Vīṭṭhū Vīṭṭhū ca Vīṭṭhū saha/ Candano Kāmasaṭṭhū ca kinnuḅhaṇḅu Nighaṇḅu ca/ Panādo Opamañño ca devasūto ca Mātali. / Cittaseno ca gandhabbo Nalo rājā Janesabho/ Āgu Pañcasikho c’ eva Timbarū Suriyavaccasā/ Ete c’ aññe ca rājāno gandhabbā saha rājubhi/ Modamānā abhikkāmuḅ bhikkhūnaḅ samitiḅ vanaḅ.

³⁰. Sa, Tống-Nguyên-Minh: bà.

đầu lại trá, đế bà sa ha, nhã ly³¹ da, gia³² tỳ la, nhiếp ba³³ na già, a đà già ma, thiên đề già, y la bà đà, ma ha na già, tỳ ma na già đa, đà³⁴ già đà dư, na già la xà, bà ha sa ha, xoa kỳ đề, bà đề la đế, bà đề la đế, tỳ mai đại tích thiêm, tỳ ha tứ, bà nanh, a bà bà tứ, chất đa la, tốc hòa ni na, cầu tứ đa, a bà do, na già la trừ, a tứ, tu bạt la, tát đế nô, a già, phật đà sái, thất la-nanh, bà da, ưu la đầu bà diên lâu, tố bàn nậu, phật đầu, xá la nậu, già loại lâu.³⁵

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho A-tu-la:

“Kỳ đà, bạt xà, ha đế, tam vật đệ, a tu la, a thất đà, bà diên địa, bà tam bà³⁶ tứ, y đệ a đà, đề bà ma, thiên địa, già lê diệu, ma ha bí ma, a tu la, đà na bí la đà, bệ ma chất đầu lâu, tu chất đế lệ, bà la ha lê, vô di liên na bà, xá lê a tế, bạt lê, phất đa la na, tát bệ, tát lâu da na na mê, tát na mê đế, bà lê, tế như, la da bạt đầu lâu, y ha am bà la mê, tam ma do y, đà na, bạt đà nhã, tử khâu na, tam di thế, nê bạt.³⁷

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho chư Thiên:

“A phù, đề bà, bế lê, hê bệ, đề dư, bà do, đa đà nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni, thế đế tô di, da xá a đầu, di đa la bà, già la na di bà a lỗ đề bà, ma thiên thê dữ, đà xà đề xá, già dư, tát bệ, na-nan đa la bà bạt na, y địa bàn đại, thù địa ban na bàn đại, da xá ti nậu, mộ đà bà na³⁸, a hê

³¹. Ly, Tống-Nguyên-Minh: lê.

³². Gia, Tống-Nguyên-Minh: ca.

³³. Ba, Tống-Nguyên-Minh: bà.

³⁴. Đà, Tống-Nguyên-Minh: tha.

³⁵. Tham chiếu Pāli: Ath' āgu Nābhasā nāgā Vesālā saha Tacchakā, / Kambalassatarā āgu Pāyāgā saha nātibhi. / Yāmunā Dhataratthā ca āgu nāgā yasassino, / Erāvano mahā-nāgo so p'āga samitiṃ vanaṃ. / Ye nāga-rāje sahasā haranti/ Dibbā dijā pakkhi visuddha-cakkhū/ Vehāsayā te vana-majjha-pattā/ Citrā Supaṇṇā iti tesam nāmaṃ/ Abhayan tadā nāga-rājānam āsi/ Supaṇṇato khemam akāsi Budho. / Saṅhāhi vācāhi upavhayantā/ Nāgā Supaṇṇā saraṇaṃ agamsu Buddham.

³⁶. Bà, Tống-Nguyên-Minh: sa.

³⁷. Tham chiếu Pāli: Jitā Vajira-hatthena samuddaṃ Asurā sitā/ Bhātaro Vāsavass' ete iddhimanto yasassino/ Kālakañjā mahābhimsā asurā Dānaveghasā/ Vepacitti Sucitti ca Pahārādo Namucī saha/ Satañ ca Bali-puttānaṃ sabbe Veroca-nāmakā/ Sannayhitvā baliṃ senaṃ Rāhubhaddam upāgamuṃ: 'Samayo dāni bhaddan te bhikkhūnaṃ samitiṃ vanaṃ'.

³⁸. Na, Tống-Nguyên-Minh: na-đà.

kiền đại, tỳ khâu na, bà³⁹ vị⁴⁰ đệ, bà ni.

“Bệ noa, đề bộ, xá già ly, a hê địa dũng mê, na sát⁴¹ đế lệ phú la tức ky đại a đà man đà la bà la, bệ chiên đại tô, bà ni sao đề bà, a đa, chiên đà, phú la kiêu chi đại, tô lê da tô bà ni sao đề ba, a đa, tô đề da, phú la kiêu đại, ma già đà, bà tô nhân, đồ lô a đầu, thích câu, phú la đại lô.

“Thúc già, già la ma, la na a đại, bệ ma ni bà, ô bà đề kỳ ha, ba la vô ha bệ bà la vi a ni, tát đà ma đa a ha lê, di sa a ni bát thù nậu, thán nô a, lô dư đề xá, a hê bạt sa.

“Xa ma, ma ha xa ma, ma nậu sa ha, ma nậu sơ đa ma, khát đà ba đầu sái a, đa ma nậu đầu sái a hê a la dạ đề bà a đà lê đà da bà tư, ba la ma ha ba la a đa đề bà ma thiên thê da.

“Sai ma đầu suất đà, dạ ma, già sa ni a, ni, lam bệ, lam bà chiết đế, thọ đề na ma y sái, niệm ma la đề, a đà hê ba la niệm di đại.

“A hê đề bà đề bà xà lan đề, a kỳ, thi hu ba, ma a lật trá lô da, ô ma, phù phù ni bà tư viễn giá bà đà mo, a châu đà, a ni thâu đậu đàn⁴² da nậu, a đầu a lỗ, tỳ sa-môn y sái.⁴³

Đấy là sáu mươi chủng loại trời.

³⁹. Các bản Hán đều đọc bà. Có lẽ nên đọc sa; tham chiếu Pāli: samitim.

⁴⁰. Tống-Nguyên-Minh: vị 未; Cao ly: chu 朱.

⁴¹. Sát 剎, Tống-Nguyên-Minh: ly (lợi) 利.

⁴². Đàn, Tống-Nguyên-Minh: ni lô.

⁴³. Tham chiếu Pāli: Āpo ca devā Paṭhavī Tejo Vāyo tadāgamuṃ, / Varuṇā Varuṇā devā Soma ca Yasasā saha, / Mettā-karuṇā-kāyikā āgu devā yasassino / Das' ete dasadhā kāyā sabbe nānatta-vaṇṇino/ iddhimanto jūṭimanto vaṇṇavanto yasassino/ Modamānā abhikkāmuṃ bhikkhūnaṃ samitiṃ vanaṃ. // Veṇhū ca devā Sahajī ca Asamā ca duve Yamā, / Candaassūpanisā devā Candam āgu purakkhatvā, / Suriyassūpanisā devā Suriyam āgu purakkhatvā, / Nakkhattāni purakkhatvā āgu Manda-Vlāhakā, / Vasūnaṃ Vāsavo seṭṭho Sakko p'āga purindado. // Sukkā karumhā Aruṇā āgu Veghanasā saha, / Odāta-gayhā pāmokkhā āgu devā Vicakkhaṇā, / Sadāmatā Hāragajā Missakā ca yasassino, / Thanayam āga Pajjunno yo disā abhivassati. // Samānā Mahā-samānā Mānusā Mānsuttamā/ Khiddāpadūsikā āgu, āgu Manopadūsikā, / Ath'āgu Harayo devā ye ca Lohita-vāsino/ Pāragā Mahā-pāragā āgu devā yasassino. // Khemiyā Tusitā Yā mā kaṭṭhakā ca yasassino, / Lambitakā Lāma-seṭṭhā Joti-nāmā ca Āsavā, / nimmānāratno āgu, ath' āgu paranimmitā. // Ath'āgu Sahabhū devā jalam aggisikhā-r-iva, / Ariṭṭhakā ca Rojā ca ummāpuppha-nibhāsino, / Varuṇā Saha-dhammā ca Accutā ca Anejakā, / Sūleyyarucirā āgu, āgu vāsavanesino.//

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho sáu mươi tám vị Bà-la-môn đặc ngữ thông⁴⁴:

“La da lê xá da hà⁴⁵ hê kiền đại bà ni già tỳ la bạt đầu bệ địa xà nậu a đầu sai mộ tát đề ương kỳ bệ địa mâu ni a đầu bế lê da sai già thi lê sa bà ha nhã nậu a đầu phạm ma đề bà đề na bà bệ địa mâu ni a đầu câu tát lê y ni lô ma xà lã ương kỳ lã dã bàn xà⁴⁶ a lâu ô viên đầu, ma ha la dã a câu đề⁴⁷ lâu đặc⁴⁸, nậu a đầu lục bế câu tát lê a lâu già lãng ỷ già đi la đàn hê tội⁴⁹ phủ phù dã phúc đô lô lê sái tiên đà bộ a đầu⁵⁰ đề na già phủ bà, a di già da la dã đa đà⁵¹ a già độ bà la man đà nậu ca mục la dã a đầu nhân đà la lâu mê⁵² ca phủ đà lô mộ ma già hê a sắc thương câu ty dư⁵³ a đầu hê lan nhã già phủ bệ lê vị dư lê đa tha a già độ a hê bà hảo la tử⁵⁴ di đô lô đa đà a già độ bà tư phật ly thủ đà la la dư đa đà a già độ y lê da sai ma ha la dư tiên a bộ đa đà a già độ ban xà bà dư bà lê địa kiêu a⁵⁵ la dư đa đà a già độ, uất a lan ma ha dư tiện bị bà lê ma lê thân bà hê đại na ma a bàn địa khổ ma lê la⁵⁶ dư a cụ tư ly đà na bà địa a đầu kiêu bệ la dư⁵⁷ thi y nế⁵⁸ dĩ nế ma ha la dư phục⁵⁹ bà lâu đa đà a già độ bạt đà bà ly ma ha la dư câu tát lê ma đề thân thi hán đề chiêm bà lê⁶⁰ la dư tu đà la⁶¹ lâu đa tha a già độ a ha⁶² nhân đầu lâu a

⁴⁴. Ngũ thông: thần cảnh trí chứng thông, thiên nhãn trí chứng thông, thiên nhĩ trí chứng thông, tha tâm trí chứng thông, túc mạng trí chứng thông; Pāli: pañcābhīññā.

⁴⁵. Hà 何; Tống: a 阿; Nguyên: ha 訶; Minh: ha (kha) 呵.

⁴⁶. Sau xà, Tống-Nguyên-Minh thêm: lâu.

⁴⁷. Câu-đề, Tống-Nguyên-Minh: đề câu.

⁴⁸. Đặc, Tống-Nguyên-Minh: bí.

⁴⁹. Tội 罪, Tống-Nguyên-Minh: la 羅.

⁵⁰. Sau đầu, Tống-Nguyên-Minh thêm: a.

⁵¹. Đà, Tống-Nguyên-Minh: tha.

⁵². Sau mê, Tống-Nguyên-Minh thêm: bà.

⁵³. Sau dư, Tống-Nguyên-Minh thêm: già.

⁵⁴. Tử, Tống-Nguyên-Minh: dư.

⁵⁵. A, Tống-Nguyên-Minh: đế.

⁵⁶. Sau la, Tống-Nguyên-Minh thêm: la.

⁵⁷. Sau dư, Tống-Nguyên-Minh thêm: già.

⁵⁸. Nế (bộ nhật), Tống-Nguyên-Minh: nế, bộ mục.

⁵⁹. Phục, Tống-Nguyên-Minh: ưu.

⁶⁰. Lê, Tống-Nguyên-Minh: ly.

đầu ma la dư dư tô ly dữ tha bệ địa đề bộ a ha bệ ly tứ a đầu hằng a⁶³ da lâu bà la mục giá da mộ a di nậu a đầu nhất ma da xá phê na bà sai ma la dư hà lê kiền độ dư phê độ bát chi dư thị số ba na lộ ma tô la dư da tứ đa do hê lan nhã tô bàn na bí sấu độ trí dạ số la xá ba la bệ đà uất đà bà a bà sái bà ha bà bà mưu sa ha sa⁶⁴ tham phú xa đại xa pháp⁶⁵ xà sa lệ la đà na ma ban chi sấu đa la càn đạp bà sa ha bà tát đa đề tô bệ la dư a hê kiền sấu⁶⁶ tỷ khâu tam đi địa bà ni địa bà ni.⁶⁷

Bấy giờ, có một ngàn Bà-la-môn đắc ngũ thông cũng được Như Lai kết chú cho.

Lúc ấy, trong thế giới này, vị Phạm thiên vương đứng đầu⁶⁸ cùng với các Phạm thiên⁶⁹ khác, thấy đều có thần thông và có một Phạm đồng tử tên gọi Đề-xá⁷⁰, có đại thần lực. Lại có Phạm thiên vương khác trong mười phương đến dự cùng với quyến thuộc vây quanh.

Lại vượt qua một ngàn thế giới, có Đại phạm vương⁷¹, thấy các đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn, bèn cũng đến dự với quyến thuộc vây quanh.

Bấy giờ Ma vương thấy các đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn bèn sinh tâm độc hại, suy nghĩ rằng: Ta hãy dẫn các quỷ binh đi đến phá hoại chúng kia, bao vây chúng lại, không để sót một ai. Rồi thì, Ma vương triệu tập bốn binh chủng, tay võ xe, tiếng rền như sấm dậy. Những ai trông thấy không khỏi kinh sợ. Ma vương phóng ra gió to mưa lớn, sấm chớp vang rền, hướng đến rừng Ca-duy, bao vây đại chúng.

Phật nói với các Tỳ-kheo ưa thích chúng hội này rằng:

“Các người nên biết, hôm nay, Ma chúng mang ác tâm đến đây.”

Nhân đó tụng bài kệ rằng:

61. Tống-Nguyên-Minh không la.

62. Tống-Nguyên-Minh không có ha.

63. Hằng a, Tống-Nguyên-Minh: hằng hà.

64. Sa a sa, Tống-Nguyên-Minh: bà a bà.

65. Pháp 法, Tống-Nguyên-Minh: khu 祛.

66. Kiền sấu, Tống-Nguyên-Minh: kiền độ.

67. Bài chú này chưa tìm thấy Pāli tương đương để tham chiếu.

68. Đề nhất Phạm vương; Pāli: Subrahmā Paramattha.

69. Phạm thiên; Pāli: Brahma-deva.

70. Phạm đồng tử Đề-xá 梵童子提舍; Pāli: Sanañkumāra Tissa.

71. Đại phạm vương; Pāli: Mahābrahmā.

*Các người hãy kính thuận,
Đứng vững trong Phật pháp;
Hãy diệt Ma chúng này,
Như voi giày đống hoa.
Chuyên niệm, không buông lung,
Đầy đủ nơi tịnh giới;
Tâm định, tự tư duy,
Khéo hộ trì chí ý.
Nếu ở trong Chánh pháp
Mà hay không buông lung,
Sẽ vượt cõi già, chết,
Diệt tận các gốc khổ,
Các đệ tử nghe rồi,
Hãy càng tinh tấn hơn;
Vượt khỏi mọi thứ dục,
Sợi lông không lay động.
Chúng này là tối thắng,
Có tiếng tăm, đại trí;
Đệ tử đều dưng mãi,
Được đại chúng kính trọng.*

Bấy giờ, chư Thiên thân, Quỷ, Tiên nhân ngũ thông, thấy đều hội về trong vườn Ca-duy, nhìn thấy việc làm của Ma, quái lạ chưa từng có.

Phật nói pháp này, lúc ấy tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

